

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM**
-----o0o-----

LÊ THANH TÂM

**CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUẢN LÝ TRƯỜNG ĐẠI HỌC
THUỘC BỘ CÔNG THƯƠNG THEO HƯỚNG
TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI**

**Chuyên ngành: QUẢN LÝ GIÁO DỤC
Mã số: 62.14.01.14**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. GS. TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc**
- 2. PGS.TS. Nguyễn Tiến Hùng**

Hà Nội - 2014

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế của GDĐH (GDĐH) Việt Nam, tính tự chủ và chịu trách nhiệm xã hội (TNXH) của các thiết chế GDĐH trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết, là phương thức hoạt động có tính quyết định sự thành bại của đổi mới GDĐH Việt Nam.

Vì vậy, để chóng đáp ứng yêu cầu của đất nước về đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, GDĐH nước ta phải tiếp tục đổi mới một cách mạnh mẽ, cơ bản và toàn diện, trong đó yêu cầu đổi mới quản lý nhà trường đại học (ĐH) là một yêu cầu cấp bách.

Bộ Công Thương, hiện nay quản lý 51 trường đào tạo; trong đó có 8 trường ĐH công lập, nhiều trường ĐH mới được thành lập trên cơ sở nâng cấp từ trường cao đẳng. Theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ, các trường ĐH thuộc Bộ Công Thương đã được giao quyền tự chủ trong ba lĩnh vực: tổ chức, nhân sự, tài chính; tuy nhiên trên thực tế quyền tự chủ của các trường còn thấp; phân cấp quản lý chưa đi đôi với nâng cao năng lực quản lý phù hợp. Thực hiện quyền tự chủ còn chưa gắn kết đầy đủ với nghĩa vụ và TNXH.

Để các trường ĐH thuộc Bộ Công Thương thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ đào tạo nhân lực trình độ cao và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội đất nước và của ngành, cần tìm kiếm các giải pháp thực hiện quản lý dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn của tự chủ và TNXH. Đó là những lý do chính để nghiên cứu sinh lựa chọn vấn đề “Cơ sở khoa học về quản lý trường đại học thuộc Bộ Công Thương theo hướng tự chủ và trách nhiệm xã hội” làm đề tài nghiên cứu.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất các giải pháp thực hiện quản lý trường ĐH thuộc Bộ Công Thương theo hướng tự chủ và TNXH.

3. KHÁCH THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

- Khách thể nghiên cứu: Quản lý trường ĐH thuộc Bộ Công Thương.
- Đối tượng nghiên cứu: Quản lý trường ĐH thuộc Bộ Công Thương theo hướng tự chủ và TNXH.

4. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC

Việc thực hiện tự chủ và TNXH trong quản lý trường ĐH là một yếu tố quan trọng để cho phép các cơ sở GDĐH đáp ứng tốt nhất nhu cầu mới đang được đặt ra cho mỗi nhà trường. Tuy nhiên nhận thức về thực hiện quyền tự chủ, TNXH và thực hiện tự chủ, TNXH của các cơ sở GDĐH còn rất khác nhau ở nước ta; nếu cụ thể hóa được nội dung và mức độ

tự chủ, cũng như nội dung TNXH và các điều kiện cơ bản để thực hiện quyền tự chủ và TNXH trong quản lý cơ sở GDDH, thì quá trình thực hiện tự chủ và TNXH ở các trường ĐH sẽ có căn cứ khoa học và có tính khả thi hơn.

Quản lý trường ĐH thuộc Bộ Công Thương theo hướng tự chủ và TNXH còn hạn chế, mức độ tự chủ và năng lực thực hiện TNXH còn thấp gây cản trở đáng kể cho phát triển mỗi trường; nếu đề xuất được các giải pháp quản lý thực hiện tốt hơn quyền tự chủ và TNXH sẽ giúp các trường nâng được chất lượng và hiệu quả đào tạo, và điều này trực tiếp đáp ứng yêu cầu cấp thiết của người học, của doanh nghiệp và sự phát triển kinh tế của ngành và kinh tế - xã hội của cộng đồng mà trường phục vụ.

5. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

- Xác lập cơ sở lý luận về quản lý trường ĐH thuộc sự quản lý của Bộ chủ quản và Bộ Giáo dục & Đào tạo theo hướng thực hiện quyền tự chủ và TNXH.

- Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng quản lý theo hướng thực hiện quyền tự chủ và TNXH của một số trường ĐH thuộc Bộ Công Thương – Các trường ĐH được quản lý theo phương thức song bộ (Bộ chủ quản và Bộ Giáo dục & Đào tạo).

- Đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện quản lý trường ĐH thuộc Bộ Công Thương theo hướng tự chủ và TNXH.

- Tổ chức khảo sát tính cấp thiết và khả thi của các giải pháp được đề xuất; thử nghiệm giải pháp đề xuất.

6. GIỚI HẠN CỦA ĐỀ TÀI

Do điều kiện có hạn, đề tài tập trung nghiên cứu khảo sát 4 trên tổng số 8 trường ĐH công lập thuộc Bộ Công Thương: ĐH Công nghiệp Việt Trì, ĐH Công nghiệp Hà Nội, ĐH Công nghiệp Việt – Hung, ĐH Sao Đỏ, và tiến hành thử nghiệm giải pháp “Đa dạng hóa nguồn thu trên cơ sở phát huy sự năng động sáng tạo của các đơn vị và cá nhân trong trường” tại trường ĐH Công nghiệp Việt Trì.

7. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

7.1. Phương pháp tiếp cận

Để thực hiện được mục tiêu của đề tài, Luận án sử dụng các phương pháp tiếp cận sau: Phương pháp tiếp cận duy vật biện chứng, Phương pháp tiếp cận hệ thống, Phương pháp tiếp cận tổng hợp, Phương pháp tiếp cận quản lý sự thay đổi.

7.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể

Để thực hiện được mục tiêu của đề tài, Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp nghiên cứu lý luận, Phương pháp nghiên cứu thực tiễn, các phương pháp bổ trợ khác.

8. LUẬN ĐIỂM BẢO VỆ

Luận điểm 1: Quyền tự chủ của các trường ĐH đi đôi với TNXH. Quản lý trường ĐH theo hướng tự chủ và TNXH liên quan đến các khía cạnh cơ bản: Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của nhà trường; hội đồng trường và cơ cấu tổ chức, các quy trình quản lý; hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; công khai; văn hóa tự chủ và TNXH của mỗi trường.

Luận điểm 2: Quản lý trường ĐH thuộc Bộ Công Thương nói riêng, các trường ĐH trực thuộc quản lý song bộ nói chung theo hướng tự chủ và TNXH có những đặc thù: cơ chế phối hợp/điều phối quản lý giữa Bộ chủ quản (Bộ Công Thương) và Bộ GD & ĐT chưa được hợp lý: Vấn đề chỉ đạo chuyên môn và các điều kiện thực hiện; vấn đề nhu cầu nhân lực của ngành và chỉ tiêu đào tạo; vấn đề quan điểm và triển khai phân cấp tự chủ và TNXH của hai Bộ đối với các trường còn chưa được thống nhất; Bản thân các trường ĐH thuộc Bộ chủ quản đa số mới được nâng cấp từ cao đẳng nên năng lực tự chủ và thực hiện TNXH cũng còn thấp; Đầu tư nguồn lực cho công tác quản lý nhà trường theo hướng tự chủ và TNXH của Bộ chủ quản đã có sự quan tâm hơn, nhưng vẫn còn ở mức thấp so với yêu cầu thực tế.

Luận điểm 3: Các giải pháp thực hiện quản lý trường ĐH thuộc Bộ Công Thương theo hướng tự chủ và TNXH mà Luận án đã xây dựng là hữu hiệu và có tính đến các yếu tố đặc thù của các trường ĐH thuộc quản lý song Bộ: Hình thành nhận thức đúng đắn về quản lý theo hướng tự chủ và TNXH, hình thành kỹ năng quản lý theo hướng tự chủ và TNXH; xây dựng môi trường văn hóa quản lý theo hướng tự chủ và TNXH.

9. ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

- Hệ thống hóa được những vấn đề lý luận về quản lý trường ĐH theo hướng tự chủ và TNXH; trên cơ sở đó đề xuất các nội dung cơ bản của quản lý trường ĐH theo hướng tự chủ và TNXH.

- Đưa ra được bức tranh thực trạng về quản lý trường ĐH thuộc Bộ Công Thương theo hướng tự chủ và TNXH.

- Đề xuất được hệ thống các giải pháp quản lý thực hiện tự chủ và TNXH ở các trường ĐH thuộc Bộ Công Thương.

10. CẤU TRÚC CỦA LUẬN ÁN

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục các công trình khoa học nghiên cứu sinh đã công bố liên quan đến Luận án, Luận án gồm ba chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận về quản lý trường đại học thuộc Bộ chủ quản theo hướng tự chủ, TNXH

Chương 2. Cơ sở thực tiễn về quản lý trường đại học thuộc Bộ chủ quản theo hướng tự chủ và TNXH

Chương 3. Các giải pháp thực hiện quản lý trường ĐH thuộc Bộ Công Thương theo hướng tự chủ và TNXH

Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ TRƯỜNG ĐẠI HỌC THUỘC BỘ CHỦ QUẢN THEO HƯỚNG TỰ CHỦ, TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

1.1. TỔNG QUAN LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

1.1.1. Nghiên cứu ngoài nước

Khái quát về các công trình nghiên cứu về tự chủ và TNXH trên thế giới.

- Thực tế cho thấy, trên thế giới các trường ĐH được giao quyền tự chủ từ rất sớm phù hợp với quy luật quản trị ĐH. Nguyên lý về tự chủ của Wilhelm Von Humboldt đã được hình thành vào những năm 1810 với những nguyên lý tiền đề tự do giảng dạy và tự do học tập. ĐH cần được tự chủ không có sự can thiệp của nhà nước.

- Hội đồng giáo dục (Education commission, 1964 -1966) đã chỉ ra rằng: vấn đề tự do học thuật đối với giáo viên là một yêu cầu bức thiết để phát triển môi trường, tôn trọng tri thức và năng lực.

- Salmi, J. (2009) cho rằng: “Khái niệm, bản chất, nội dung tự chủ được quy định rõ ràng, mọi cơ sở giáo dục đều có thể thực hiện”. Tự chủ tạo cho các trường một môi trường quản lý thuận lợi, để từ đó phát triển tự do học thuật, tập trung nhân tài và huy động nguồn lực tài chính.

- Quyền tự chủ ĐH ở các nước trên thế giới là tự chủ toàn diện gồm bốn nội dung chính: (i) tự chủ về tổ chức (organisational autonomy), (ii) tự chủ về tài chính (financial autonomy), (iii) tự chủ về nhân sự (staffing autonomy), (iv) tự chủ về học thuật (academic autonomy) (EUA, 2012). Thực hiện quyền tự chủ và TNXH là hai mặt của một vấn đề luôn song hành cùng nhau. Đây là hai nguyên tắc hết sức quan trọng, gắn kết chặt chẽ, tồn tại song song và không thể tách rời bởi chịu TNXH và giải trình mà không có quyền tự chủ để thực thi thì xảy ra tình trạng bị trói buộc kim hãm, ngược lại tự chủ mà không chịu TNXH thì dẫn đến tình trạng vô tổ chức.

- Một số công trình nghiên cứu đã đề cập đến vấn đề tự chủ và TNXH ở Việt Nam như: Hayden và Thiep (2006, 2007) trong “A 2020 vision for Vietnam” và “Institutional autonomy for HE in Vietnam” cho rằng sự đổi mới GĐĐH Việt Nam gắn với đổi mới quản lý và đảm bảo tự chủ cho ĐH.

1.1.2. Nghiên cứu trong nước

Các công trình nghiên cứu của nhiều tác giả từ khi áp dụng quản lý nhà trường theo hướng tự chủ và TNXH chủ yếu tập trung vào 5 vấn đề chính sau: Học tập kinh nghiệm quản lý về tự chủ và TNXH ở các nước trên thế giới như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Singapore...; việc thành lập hội đồng trường trong các trường ĐH công lập; nghiên cứu cơ sở lý luận về phân cấp quản lý và quản lý nhà trường theo hướng tự chủ và TNXH, đánh giá thực trạng tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của một số trường ĐH trọng điểm, đề xuất một số giải pháp thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ và TNXH trong quản lý nhà trường. Bên cạnh những công trình khoa học nghiên cứu sâu về vấn đề tự chủ và TNXH còn nhiều các bài báo, tạp chí, bài tham luận tại các hội thảo bàn về nội dung này.

1.2. GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ QUẢN LÝ TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1.2.1. Vai trò của giáo dục đại học

- Giáo dục ĐH góp phần: Phát triển nguồn nhân lực; xóa đói, giảm nghèo; mở rộng khả năng thích ứng nhu cầu nguồn nhân lực với thị trường lao động; tạo lập sự công bằng trong xã hội.

1.2.2. Trường đại học và quản lý trường đại học

Trường ĐH là một tổ chức giảng dạy và nghiên cứu khoa học bao gồm các khoa, bộ môn, trung tâm nghiên cứu và có khả năng cấp được bằng cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ. Luật giáo dục năm 2005 quy định cụ thể đối với trường ĐH.

Phân tích một số khái niệm về hoạt động quản lý và quản lý giáo dục, quản lý nhà trường dưới nhiều góc độ khác nhau; vai trò của quản lý của các nhà lãnh đạo và quản lý trường ĐH.

1.2.3. Tự chủ và trách nhiệm xã hội là thuộc tính của trường đại học

Thực tiễn và các nghiên cứu của Ngân hàng thế giới, Ngân hàng Châu Á và Chương trình phát triển của Liên hợp quốc, đều chứng minh rằng một hệ thống phân cấp QLGD nói chung hay quản lý trường ĐH nói riêng muốn vận hành tốt và có hiệu quả phải mang các đặc điểm chính như: Tính đáp ứng, tính chịu trách nhiệm, tính tham dự, tính minh bạch và tính tự chủ của cấp thực hiện (cấp trường ĐH). Ngoài các đặc điểm chính trên, quản lý trường ĐH theo hướng thực hiện quyền tự chủ và TNXH cần phải có các đặc điểm sau: *Tính nhất trí cao; Tính công bằng; Tính hiệu quả và hiệu suất; và Tầm nhìn chiến lược.*

1.3. TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG PHÂN CẤP QUẢN LÝ

1.3.1. Phân cấp và phân cấp quản lý giáo dục đại học

1.3.1.1. Khái niệm phân cấp quản lý, các hình thức phân cấp quản lý

- Phân tích một số khái niệm về phân cấp quản lý ở các góc độ khác nhau;
- Các hình thức phân cấp quản lý: theo Hanson (1998) chia phân cấp quản lý theo các hình thức sau: Phi tập trung hóa (Deconcentration); Ủy thác nhiệm vụ (Devolution); Ủy quyền (Delegation); Tư nhân hóa (Privatization).

1.3.1.2. Phân cấp quản lý giáo dục đại học

Vận dụng các quan niệm chung về phân cấp quản lý, phân cấp quản lý GDĐH bao hàm sự chuyển giao quyền hạn và trách nhiệm từ chính quyền trung ương cho các trường (bao gồm cả trường công và trường tư). Nhà nước chuyển từ ra mệnh lệnh chỉ huy thông qua giao kế hoạch pháp lệnh, kiểm soát sang nhà nước giám sát và kế hoạch định hướng. Đây cũng chính là nội dung quan trọng nhất trong phân cấp quản lý GDĐH ở nước ta về cả lý luận và thực tiễn.

1.3.2. Tự chủ của trường đại học và các nội dung cơ bản

1.3.2.1. Khái niệm về tự chủ và tự chủ của trường đại học

Tự chủ là một khái niệm rộng, bao gồm nhiều khía cạnh khác nhau tùy thuộc vào hoàn cảnh, điều kiện, trình độ nhận thức, trình độ phát triển của mỗi quốc gia, mỗi trường ĐH mà khái niệm này được khái quát thành lý luận và có cách thực hiện khác nhau. Tự chủ là một hệ thống giải pháp có cấu trúc chặt chẽ, nhằm đến việc cải thiện môi trường giáo dục để nâng cao chất lượng dạy và học.

Qua nghiên cứu vấn đề tự chủ, Luận án cho rằng: Tự chủ của các cơ sở giáo dục ĐH là quyền quản lý, ra quyết định của các cơ sở giáo dục trên mọi phương diện: Tổ chức, nhân sự, tài chính, đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, học thuật, trong đó tự chủ học thuật và tự chủ tài chính và là hai nội dung quan trọng góp phần thúc đẩy mọi hoạt động có hiệu quả; Tự chủ học thuật là bản chất của giáo dục ĐH, nếu không có tự chủ học thuật thì khó có thể thực hiện được vai trò của một cơ sở giáo dục ĐH là “*Truyền tải văn hóa, kiến tạo tri thức, và theo đuổi chân lý thông qua việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu*”; nếu không có nguồn lực tài chính thì các lĩnh vực tự chủ sẽ khó thực hiện có hiệu quả.

1.3.2.2. Các nội dung cơ bản quản lý đại học theo hướng tự chủ

Tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục ĐH trên mọi lĩnh vực. Luận án sử dụng cách tiếp cận Hiệp hội ĐH Châu Âu, trình bày 4 thành tố cơ bản của tự chủ ĐH, bao gồm: *Tự chủ về tổ chức; tự chủ về nhân sự; tự chủ về tài chính; tự chủ về học thuật/ đào tạo (Academic)*.

Mối quan hệ giữa các nội dung về tự chủ ĐH: Trong các nội dung tự chủ này thì tự chủ về tổ chức và tự chủ về tài chính được xem là những tiền đề quan trọng có khả năng hoàn thiện toàn bộ các nội dung tự chủ khác như tự chủ nhân sự và tự chủ học thuật vì tự chủ về tổ chức tạo ra cơ chế tập trung nguồn lực con người với phương thức lãnh đạo (leadership) và văn hóa (culture) đổi mới hướng đến ĐH chất lượng cao - hàng đầu - xuất sắc, còn tự chủ tài chính cho phép huy động nguồn lực tài chính và duy trì nguồn lực tài chính đảm bảo việc tuyển chọn lực lượng học thuật tốt nhất nhằm phát triển học thuật theo hướng sáng tạo đổi mới theo chiến lược của trường.

Quản trị tự chủ sẽ không đạt được mục tiêu 4 nội dung tổ chức, tài chính, nhân sự, học thuật không được giao đồng thời và đó cũng là điều kiện thực hiện tự chủ.

1.3.3. Trách nhiệm xã hội của trường đại học và các nội dung cơ bản

1.3.3.1. Khái niệm trách nhiệm xã hội

Có nhiều cách tiếp cận về khái niệm “TNXH”, nhưng có thể được hiểu chung là: TNXH là việc nhà trường tự tổ chức đánh giá và giám sát việc thực hiện các quy định của Nhà nước, của nhà trường, công khai minh bạch và sẵn sàng giải trình các hoạt động quản lý của nhà trường đối với các bên có liên quan và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của mình.

1.3.3.2. Bản chất của trách nhiệm xã hội

TNXH là nghĩa vụ báo cáo quản lý về những hoạt động và kết quả thu được, giải thích kết quả thực hiện và thừa nhận trách nhiệm đối với cả những kết quả không mong muốn của nhà trường cho các bên liên quan.

1.3.3.3. Nội dung trách nhiệm xã hội của trường đại học

TNXH của trường ĐH được thể hiện trên các phương diện: Trách nhiệm với ai (với người học, xã hội; với nhà nước và cấp trên; với chính nhà trường), trách nhiệm về cái gì và bằng cách nào (công khai minh bạch các hoạt động quản lý, chất lượng đào tạo và tài chính).

1.3.4. Mối quan hệ giữa tự chủ và trách nhiệm xã hội của trường đại học

Quan điểm của Phạm Phú: Quyền tự chủ phải được “đánh đổi” bằng TNXH nhiều hơn. TNXH của một trường ĐH cần trả lời cho 3 câu hỏi: Với ai? Nội dung gì? và bằng cách nào?

Quyền tự chủ và TNXH luôn là hai mặt của một vấn đề. Tự chủ không có nghĩa là không có trách nhiệm, nhà trường phải có trách nhiệm với Nhà nước, pháp luật, bản thân, giảng viên, sinh viên và với xã hội về mọi hoạt động của nhà trường. Quyền tự chủ cao mà trách nhiệm không tương xứng sẽ dẫn đến nguy cơ lạm dụng quyền, vi phạm pháp luật.

1.3.5. Nhân tố chính sách, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của trường đại học

1.3.5.1. Chủ trương, chính sách của Nhà nước

Sự can thiệp của nhà nước vào hoạt động của nhà trường là sự can thiệp gián tiếp: Nhà nước là người xây dựng định hướng phát triển GDĐH, thông qua xây dựng hệ thống mục tiêu, bước đi và các giải pháp định hướng cho các trường ĐH; xây dựng hệ thống các văn bản dưới luật pháp cho các trường biết mình được làm gì và không được làm gì trong lĩnh vực GDĐH; xây dựng hệ thống chính sách và công cụ thực thi cho các lĩnh vực giao tự chủ; tổ chức cho các trường thực hiện, điều tiết, kiểm tra, giám sát và đánh giá; xây dựng cơ chế tự chịu trách nhiệm của các nhà trường. Nhà nước cần thiết phải xây dựng cơ chế tự chịu trách nhiệm, thông qua một "khung" pháp lý cụ thể, nhằm giúp các trường được quyền tự quyết định mọi vấn đề nhưng nếu vượt qua sẽ vi phạm pháp luật.

1.3.5.2. Mô hình quản lý Nhà nước đối với trường đại học

Quản lý trường ĐH theo hướng tự chủ và TNXH có đạt được mục tiêu đề ra hay không còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố mô hình quản lý của Nhà nước đối với các cơ sở giáo dục ĐH, Luận án đề cập một số mô hình quản lý của một số nước trên thế giới và ở Việt Nam.

1.3.5.3. Điều kiện kinh tế - xã hội của ngành, vùng nơi trường đóng và phục vụ

Hiện nay, ở nước ta cũng như nhiều nước, NSNN dành cho GDĐH chỉ đáp ứng một phần nhu cầu tài chính để phát triển của các trường ĐH. Nên huy động nguồn lực ngoài NSNN thông qua hợp đồng dịch vụ, NCKH, nhu cầu cung cấp nhân lực... là một yếu tố rất quan trọng trong việc thực hiện tốt quyền tự chủ và TNXH.

1.3.6. Nội dung quản lý trường đại học đảm bảo thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội

Các điều kiện bên trong trường ĐH đảm bảo thực hiện quyền tự chủ và TNXH sử dụng trong Luận án này gồm các nội dung cơ bản sau:

- Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của nhà trường;
- Thiết lập và vận hành Hội đồng trường, các quy trình quản lý;
- Xây dựng và triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong;
- Xây dựng, duy trì và phát triển văn hóa tự chủ và TNXH trong nhà trường.

1.4. ĐẶC TRƯNG QUẢN LÝ TRƯỜNG ĐẠI HỌC THUỘC BỘ NGÀNH (BỘ CHỦ QUẢN) THEO HƯỚNG TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

1.4.1. Quản lý Nhà nước đối với trường đại học thuộc Bộ ngành

Quản lý chủ quản đối với trường đại học cũng được ghi nhận trong Điều lệ trường đại học. Theo Thông tư số 18/2004/TT-BGD&ĐT ngày 21/6/2004, cơ quan chủ quản “là cơ quan quản lý trực tiếp trường đại học về quy hoạch, kế hoạch, tổ chức, nhân sự, giao kế hoạch đào tạo hàng năm, cấp phát NSNN và quản lý tài chính tài sản.”

Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm và quyền hạn: Thẩm định và cho phép mở ngành đào tạo của trường; quy định khung chương trình cho các chương trình đào tạo; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy chế đào tạo; phê duyệt chỉ tiêu, ngành nghề tuyển sinh hàng năm của trường; kiểm định chất lượng giáo dục, kiểm định chương trình đào tạo... Tóm lại quản lý Nhà nước về đào tạo thuộc Bộ GD&ĐT, các Bộ ngành chủ quản trực tiếp quản lý về các mặt tổ chức, nhân sự và tài chính.

1.4.2. Quản lý theo hướng tự chủ và trách nhiệm xã hội của trường đại học thuộc Bộ ngành

Trường đại học thuộc Bộ ngành là một thiết chế đại học có sứ mệnh đào tạo nhân lực trình độ cao từ trình độ đại học đến sau đại học cho ngành, đồng thời là nơi sản sinh ra tri thức trong lĩnh vực ngành quản lý, là cơ sở nghiên cứu khoa học về các lĩnh vực thuộc ngành quản lý.

Quản lý trường đại học thuộc Bộ ngành theo hướng tự chủ và TNXH cần tập trung quản lý bốn nội dung cơ bản sau đây:

- Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của nhà trường;
- Thiết lập và vận hành Hội đồng trường;

- Xây dựng và triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong;
- Xây dựng, duy trì và phát triển văn hóa tự chủ và trách nhiệm xã hội của nhà trường.

1.4.3. Các điều kiện đảm bảo quản lý trường đại học thuộc Bộ ngành theo hướng tự chủ và trách nhiệm xã hội

Để thực đảm bảo quản lý trường ĐH thuộc Bộ ngành theo hướng tự chủ và TNXH, cần phải có 2 điều kiện cơ bản sau:

Thứ nhất, về phía Bộ ngành và Bộ GD&ĐT phải xây dựng cho được một số “Chỉ số hoàn thành nhiệm vụ” của trường đại học, tổ chức kiểm định chất lượng và kiểm toán tài chính độc lập, đưa ra được những quy định về báo cáo giải trình công khai...

Thứ hai, về phía trường đại học: cần phải trang bị đầy đủ nhận thức về ý nghĩa, nội dung, sự cần thiết của quản lý trường đại học theo hướng tự chủ và TNXH; tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao từ lãnh đạo đến các thành viên trong nhà trường; Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của nhà trường đáp ứng yêu cầu quản lý nhà trường theo cơ chế tự chủ và TNXH; Phải có một “Hội đồng trường”; Xây dựng và triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong nhà trường đáp ứng yêu cầu quản lý nhà trường theo cơ chế tự chủ và TNXH; Xây dựng, duy trì và phát triển văn hóa tự chủ và TNXH theo hệ giá trị tự chủ và TNXH riêng của mỗi nhà trường.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Phương diện mối quan hệ giữa nhà nước và các trường ĐH, phân cấp nhằm tăng quyền tự chủ cho các trường ĐH và quyền tự chủ phải được “đánh đổi” bằng TNXH nhiều hơn.

Tự chủ của các cơ sở GDĐH mà Luận án đề cập gồm 4 thành tố cơ bản: tự chủ về: tổ chức, về nhân sự, về tài chính, về học thuật; trong đó tự chủ về tổ chức và tự chủ về tài chính được xem là những tiền đề quan trọng có khả năng hoàn thiện toàn bộ các nội dung tự chủ khác.

TNXH của các trường ĐH, đối với nhà nước, người tài trợ, sinh viên và gia đình họ, người sử dụng sản phẩm và dịch vụ của trường, giảng viên nhà trường và các cộng đồng liên quan khác... bao gồm: thực hiện đúng những cam kết của trường với xã hội: đảm bảo chất lượng đào tạo, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, đảm bảo thông tin minh bạch và báo cáo giải trình công khai với các cấp quản lý và công chúng. TNXH còn thể hiện bằng trách nhiệm của người đứng đầu với tập thể cán bộ, viên chức của trường đó.

Chủ trương, chính sách của Nhà nước; mô hình quản lý Nhà nước đối với trường ĐH; điều kiện kinh tế - xã hội của ngành, vùng nơi trường đóng và phục vụ là các nhân tố bên ngoài ảnh hưởng mạnh đến quyền tự chủ và TNXH của trường ĐH.

Các điều kiện bên trong trường ĐH đảm bảo thực hiện quyền tự chủ và TNXH được đề cập trong Luận án gồm các nội dung cơ bản: Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của nhà trường; hội đồng trường và quản trị ĐH; hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; văn hóa tự chủ và TNXH trong nhà trường. Những nội dung này tạo cơ sở lý thuyết cho việc đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp.

Chương 2. CƠ SỞ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ TRƯỜNG ĐẠI HỌC THUỘC BỘ CHỦ QUẢN THEO HƯỚNG TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

2.1. KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC VỀ THỰC HIỆN QUYỀN TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI TRONG QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

2.1.1. Kinh nghiệm của Singapore

Singapore, là quốc gia có dịch vụ giáo dục đạt đẳng cấp quốc tế tính tự chủ cao thể hiện ở những chính sách: Có cơ chế đãi ngộ linh hoạt dựa vào thành tích nghiên cứu quốc tế; tăng lương, thưởng, phụ cấp và đặc biệt đối với những nhân tài hàng đầu; tăng lương, trợ cấp cho những khoa đào tạo những ngành có nhu cầu cao của thị trường; linh hoạt trong việc tài trợ nghiên cứu khoa học bằng cách cung cấp những khoản tài trợ có giá trị nhiều hơn và cung cấp cơ sở hạ tầng, điều kiện nghiên cứu tốt nhất; tạo chủ động phân cấp cho khoa, giảng viên giỏi giảm giờ dạy để tập trung vào nghiên cứu khoa học.

2.1.2. Kinh nghiệm của Nhật Bản

Ở Nhật Bản, tập đoàn hóa các trường ĐH tới một số tiêu chí: Tính tự chủ của các trường ĐH, tiếp cận có chủ đích tới sự quản lý hiệu quả, tăng cường kiểm tra giám sát từ hệ thống ngoài trường học; hệ thống tuyển dụng nhân sự tự chủ; việc đánh giá các trường ĐH được thực hiện bởi tổ chức thứ ba (Nhà nước - trường ĐH - cộng đồng). Tập đoàn hóa không bao hàm các nội dung có liên quan đến việc phát triển các hoạt động giáo dục và nghiên cứu trong các trường ĐH thành doanh nghiệp.

2.1.3. Kinh nghiệm của Mỹ

Xác định rõ vai trò quan trọng của GDDH, chính phủ đã dành ưu tiên đầu tư cho GDDH. Cơ chế quản lý tài chính đa dạng và có sự phân cấp rõ ràng. Các trường ĐH linh hoạt trong các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu do không bị chi phối bởi các thủ tục hành chính nặng nề. Cơ chế tự chủ của Mỹ đã tạo ra môi trường nuôi dưỡng sự cạnh tranh, khích lệ tinh thần nghiên cứu khoa học, năng động, sáng tạo và đổi mới.

2.2. KHÁI QUÁT CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THUỘC BỘ CÔNG THƯƠNG

2.2.1. Số lượng trường và phương thức quản lý song Bộ

Theo quyết định số 373/QĐ-TTg, ngày 01/03/2013 của Thủ tướng Chính phủ, hiện nay có 08 trường ĐH công lập trực thuộc Bộ Công Thương, bao gồm: Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội; Trường ĐH Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh; Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh; Trường ĐH Công nghiệp Việt – Hung; Trường ĐH Sao Đỏ; Trường ĐH Công nghiệp thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh; Trường ĐH Công nghiệp Việt Trì; cả 08 trường đều chịu sự quản lý theo phương thức song Bộ (Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Công Thương).

2.2.2. Đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý

Số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý và giảng dạy trực tiếp được nâng cao, đáp ứng mở rộng quy mô và chất lượng đào tạo. Tuy nhiên do hầu hết các trường mới được nâng cấp từ trường cao đẳng trong vài năm gần đây, nên vẫn còn hạn chế về chất lượng đội ngũ giảng viên, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ còn thấp, chỉ chiếm 4,4%.

2.2.3. Quy mô đào tạo của các trường đại học

Quy mô đào tạo ngày càng lớn, loại hình và hình thức đào tạo ngày càng đa dạng; Trường ĐH Công nghiệp Việt Trì; Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội; Trường ĐH Sao Đỏ; Trường ĐH Công nghiệp Việt - Hung. Trong đó Trường ĐH Công nghiệp Việt Trì: đang tổ chức đào tạo nhiều cấp trình độ: ĐH (10 ngành), Cao đẳng (11 ngành), Trung cấp chuyên nghiệp (8 ngành), Cao đẳng nghề (7 ngành), Trung cấp nghề (4 ngành) và nhiều nghề khác đào tạo ở trình độ sơ đáp ứng nhu cầu xã hội. Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội: đang tổ chức đào tạo nhiều cấp trình độ: Thạc sĩ (5 ngành), ĐH (23 ngành), Cao đẳng (18 ngành), Trung cấp chuyên nghiệp (14 ngành), Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề (15 ngành) và nhiều nghề khác đào tạo ở trình độ sơ đáp ứng nhu cầu xã hội. Trường ĐH Công nghiệp Việt – Hung: đang tổ chức đào tạo nhiều cấp trình độ: ĐH (8 ngành), Cao đẳng (18 ngành), Trung cấp chuyên nghiệp (10 ngành), Cao đẳng nghề (9 ngành). Trường ĐH Sao Đỏ: đang tổ chức đào tạo nhiều cấp trình độ: ĐH (17 ngành), Cao đẳng (16 ngành), Trung cấp chuyên nghiệp (11 ngành), Trung cấp nghề (9 ngành), Cao đẳng nghề (9 ngành). Loại hình đào tạo đa dạng: chính quy, liên thông, vừa làm vừa học, đào tạo theo niên chế, theo tín chỉ.

Quy mô tuyển sinh có xu hướng tăng dần ở trình độ ĐH; trình độ cao đẳng, cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề giảm mạnh dẫn đến quy mô giảm. Một số nguyên nhân chính: Các trường tập trung vào nâng cao chất lượng đào tạo, không chạy theo số lượng; số lượng các trường ĐH, cao đẳng gia tăng đáng kể; trên cùng một địa bàn có nhiều cơ sở đào tạo cùng tuyển sinh một ngành nghề như nhau; vùng tuyển sinh bị hạn chế; các trường ĐH được tuyển sinh đào tạo ở nhiều cấp độ, trong đó có trình độ cao đẳng; quy định mới về đào tạo liên thông từ cao đẳng hoặc trung cấp chuyên nghiệp lên ĐH; do suy thoái kinh tế, nhiều doanh nghiệp giảm mạnh quy mô sản xuất hoặc bị phá sản, nhu cầu lao động giảm đáng kể; tâm lý về bằng cấp cao khá phổ biến; chế độ chính sách cho người tốt nghiệp hệ đào tạo nghề không hấp dẫn.

2.2.4. Kết quả đào tạo hệ chính quy

Kết quả đào tạo chính quy: Chất lượng đào tạo được các trường đặc biệt quan tâm, đã tập trung mọi nguồn lực, đổi mới công tác quản lý, do vậy kết quả đào tạo từng bước được nâng cao.

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp sau 6 tháng có việc làm phù hợp với chuyên môn đang có xu hướng giảm từ trên 80% năm 2009, xuống còn trên 50 % năm 2012, do nhiều lý do khác nhau.

2.3. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN QUYỀN TỰ CHỦ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THUỘC BỘ CÔNG THƯƠNG.

2.3.1. Khung pháp lý về quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các trường đại học Việt Nam

Trong những năm gần đây cơ chế quản lý đối với giáo dục ĐH luôn được Đảng, Nhà nước với yêu cầu đổi mới đã cụ thể hóa bằng các Nghị quyết, Nghị định, Thông tư của chính phủ và các bộ, ngành liên quan, cụ thể như:

Thông báo kết luận số 37-TB/TW, ngày 26/5/2011 của Bộ chính trị về đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công”; Nghị quyết TW8 (khóa XI) khẳng định “Đẩy mạnh phân cấp, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo; phát huy vai trò của hội đồng trường. Thực hiện giám sát của các chủ thể trong nhà trường và xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý các cấp; đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch; chuẩn hóa các điều kiện đảm bảo chất lượng và quản lý quá trình đào tạo; chú trọng quản lý chất lượng đầu ra. Xây dựng hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đào tạo”.

Nghị định số 43/2006/NĐ-CP quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 115/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục; Điều 32 Luật GDĐH đã quy định “nhà trường được tự chủ về tổ chức, tài chính, nhân sự, tài sản, đào tạo, hoạt động khoa học công nghệ, đảm bảo chất lượng, hợp tác quốc tế”.

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV, hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

2.3.2. Kết quả khảo sát thực trạng thực hiện quyền tự chủ của trường đại học thuộc Bộ Công Thương

Luận án chọn bốn trường đại học thuộc đối tượng nghiên cứu, bao gồm: Trường đại học Công nghiệp Việt Trì; Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; Trường Đại học Sao Đỏ; Trường Đại học Công nghiệp Việt – Hung.

2.3.2.1. Thực hiện tự chủ về tổ chức

Thực hiện quản lý theo hướng tự chủ và TNXH, các nhà trường được quyền quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy: khoa, phòng ban, trung tâm, bộ môn; thành lập hội đồng trường...; phân cấp quản lý nhiều hơn cho các đơn vị, giúp cho đơn vị phát huy tính chủ động tích cực hơn trong công tác quản lý, bước đầu đáp ứng yêu cầu phát triển nhà trường trong tình hình mới. Có thể nói đây là khâu thực sự đã được tự chủ khá rõ nét trong quản lý nhà trường theo hướng tự chủ và trách nhiệm xã hội. Hiện nay cả 4 trường ĐH mà Luận án nghiên cứu đều có cấu trúc bộ máy tương đối giống nhau, tuy nhiên quy mô cấp khoa, các phòng chức năng, trung tâm giữa các trường có sự khác khá lớn, trong cấu trúc bộ máy cả 4 trường đều chưa thành lập hội đồng trường.

2.3.2.2. Thực hiện tự chủ về nhân sự

- Các nhà trường đã chủ động, tích cực xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy định nội bộ về công tác quản lý nhân sự theo hướng phát huy quyền tự chủ; chủ động hơn trong việc đánh giá công chức, viên chức; xây dựng đề án vị trí việc làm, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực đảm bảo hiệu quả, phát huy năng lực cá nhân của mỗi cán bộ, viên chức trong nhà trường; xây dựng các chế độ chính sách, ưu đãi đối với giảng viên, người lao động, kịp thời động viên các tập thể, cá nhân có thành tích đóng góp tích cực và hiệu quả trong các hoạt động quản lý của nhà trường.

Về công tác quản lý cán bộ, viên chức, Bộ Công Thương mới chỉ giao cho các trường ĐH tự chủ một phần trong công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, xếp ngạch, chuyển ngạch viên chức do vậy nhiều khi các trường khó có thể chủ động, linh hoạt trong các hoạt động này.

2.3.2.3. Thực hiện tự chủ về tài chính

Thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản phân cấp quản lý của Bộ chủ quản và các Bộ ngành có liên quan, các trường ĐH được quyền chủ động tạo lập, sử dụng các nguồn thu theo đúng quy định của pháp luật; phát huy tiềm năng sẵn có như cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm và có uy tín để mở rộng quy mô, loại hình đào tạo, liên kết đào tạo, đào tạo theo địa chỉ cho các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước, góp phần làm tăng nguồn thu đáng kể cho trường góp phần quan trọng thúc đẩy tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và tăng thu nhập cho cán bộ, giảng viên, đời sống vật chất và tinh thần dần được cải thiện.

So với khung phân tích tự chủ ĐH thì mức độ tự chủ tài chính ở các trường là rất thấp, mới chủ yếu là tự chủ về chi nhưng cơ bản chưa được tự chủ về thu. Đặc biệt là mức thu học phí vẫn theo mức trần theo quy định của Nhà nước.

a) Nguồn thu của 4 trường đại học được nghiên cứu

Nguồn thu của nhà trường bao gồm, nguồn kinh phí Nhà nước cấp và nguồn thu sự nghiệp (nguồn thu ngoài ngân sách), cụ thể như sau:

Nguồn ngân sách Nhà nước cấp: nguồn kinh phí Nhà nước cấp cho sự nghiệp đào tạo của nhà trường còn rất thấp so với nhu cầu thực tế, nhưng nó giữ vai trò rất quan trọng đối với hoạt động đào tạo của các trường có nguồn thu sự nghiệp thấp.

Nguồn thu sự nghiệp: nguồn thu sự nghiệp các trường đều tăng dần từ khi thực hiện cơ chế tự chủ. Tuy nhiên tổng thu còn tương đối thấp.

Kết quả khảo sát qua 4 năm (2009-2012), cho thấy: ĐH Công nghiệp Việt Trì: Tỷ trọng nguồn thu sự nghiệp chiếm từ 32,28% đến 55,60% trong tổng nguồn thu của trường; ĐH Công nghiệp Hà Nội: Tỷ trọng nguồn thu sự nghiệp chiếm từ 86,3% đến 93,8% trong tổng nguồn thu của trường; ĐH Công nghiệp Việt - Hung: Tỷ trọng nguồn thu sự nghiệp chiếm từ 33% đến 62% trong tổng nguồn thu của trường; ĐH Sao Đỏ: Tỷ trọng nguồn thu sự nghiệp chiếm từ 62,45% đến 78,33 trong tổng nguồn thu của trường. Qua kết quả khảo sát

của 4 trường trong 4 năm cho thấy trường ĐH Công nghiệp Hà Nội có tỷ trọng thu sự nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu. Điều này chứng tỏ quy mô đào tạo, các hoạt động liên kết đào tạo, hoạt động sản xuất, chuyển giao công nghệ và các khoản thu khác khá tốt, phát huy tốt cơ chế tự chủ hiện nay.

b) Các khoản chi thường xuyên cho đào tạo của 4 trường

Thực tế, mức chi cho sự nghiệp đào tạo của 4 trường ĐH ở các nhóm, mục chi đều có sự thay đổi đáng kể qua các năm. Trong đó, nhóm mục chi thanh toán cá nhân và nhóm mục chi nghiệp vụ chuyên môn có sự gia tăng mạnh mẽ, và chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi cho sự nghiệp đào tạo của các trường.

2.3.2.4. Thực hiện tự chủ về học thuật/đào tạo

Thực hiện quản lý, theo hướng tự chủ và trách nhiệm xã hội cho các cơ sở giáo dục ĐH, có thể nói tự chủ học thuật đã và đang được mở ra nhiều cơ hội cho các trường ĐH thuộc Bộ Công Thương; các trường được quyền xác định chỉ tiêu tuyển sinh; được chủ động xây dựng các chương trình đào tạo mới theo nhu cầu xã hội; được mời chuyên gia nước ngoài đến tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; được quyền mở rộng hợp tác quốc tế...

Trong những năm qua, nhờ có cơ chế thực hiện quyền tự chủ và TNXH trong quản lý nhà trường, các trường tiếp tục thực hiện mục tiêu đào tạo nhân lực các cấp trình độ với quy mô, cơ cấu ngành nghề phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam và của ngành giai đoạn 2011- 2020, đào tạo đội ngũ lao động chất lượng cao, có khả năng thích ứng với nền kinh tế thị trường, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Tích cực đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng hiện đại tiếp cận chương trình tạo tiến tiến thông qua hợp tác quốc tế; đổi phương pháp dạy - học; xây dựng cơ chế và thực hiện biên soạn tài liệu, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học... Chất lượng đào tạo đã có chuyển biến tích cực, bước đầu đáp ứng nhu cầu cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong điều kiện hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa.

2.3.3. Đánh giá mức độ tự chủ và trách nhiệm xã hội của 4 trường đại học được nghiên cứu qua các tiêu chí cơ bản

2.3.3.1. Đánh giá sự tham gia của các thành viên trong nhà trường

*** Xác định chỉ tiêu, mức độ đánh giá**

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP; quy chế quản lý tài chính trong các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương ban hành kèm theo quyết định số 4371/QĐ-BCT, ngày 6 tháng 8 năm 2008 và các quyết định khác của các bộ ngành, Luận án lựa chọn nội dung đánh giá các lĩnh vực gồm: Tự chủ về tổ chức, tự chủ về tài chính, tự chủ về nhân sự, tự chủ về học thuật.

Mức độ đánh giá chia làm 4 mức: Mức độ 1 (<1,75 điểm); Mức độ 2 (từ 1,75-2,49 điểm); Mức độ 3 (từ 2,5 -3,24 điểm); Mức độ 4 (từ 3,25-4,0 điểm).

*** Tiến hành đánh giá**

Kết quả đánh giá cho thấy, hai trường ĐH Công nghiệp Việt Trì và Công nghiệp Hà Nội đạt mức khá nhiều hơn; trường ĐH Công nghiệp Việt Hưng và ĐH Sao Đỏ có kết quả đánh giá ở mức trung bình nhiều hơn.

Việc tiếp cận quản lý theo hướng tự chủ và TNXH chủ yếu nằm ở đối tượng là cán bộ quản lý nhiều hơn, còn viên chức, giảng viên chưa quan tâm nhiều đến vấn đề này.

2.3.3.2. Đánh giá mức độ thực hiện trách nhiệm xã hội trong quản lý của nhà trường

*** Xác định chỉ tiêu, mức độ đánh giá**

Để xác định được mức độ thực hiện TNXH trong quản lý nhà trường theo 3 nội dung mà Luận án đã xác định theo các chuyên gia trong lĩnh vực quản lý trường ĐH cho rằng, mức độ thực hiện TNXH cao trong quản lý nhà trường càng thể hiện sự thành công trong thực hiện cơ chế tự chủ của mỗi nhà trường. Luận án xây dựng 4 mức độ đánh giá trong đó: Mức 1 (<1,75 điểm) = yếu; Mức 2 (từ 1,75 - 2,49 điểm) = trung bình; Mức 3 (từ 2,25 - 3,24) = khá; Mức 4 (từ 3,25 - 4,0) = tốt.

*** Tiến hành đánh giá**

Việc đánh giá mức độ thực hiện TNXH trong quản lý nhà trường của cả 4 trường đạt mức khá. Tuy nhiên, khi đánh giá riêng thì mỗi trường có kết quả, mức độ thực hiện TNXH rất khác nhau: Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội 2,69 điểm; trường ĐH Công nghiệp Việt Trì 2,67 điểm; Trường ĐH Công nghiệp Việt - Hưng 2,63 điểm; trường ĐH Sao Đỏ 2,54 điểm.

2.4. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THUỘC BỘ CÔNG THƯƠNG THỰC HIỆN TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

2.4.1. Về năng lực đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của các trường

Thực hiện cơ chế tự chủ và TNXH các trường đã có nhiều cố gắng, tập trung mọi nguồn lực cho công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, giảng viên trong đó có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, song vẫn còn một số hạn chế nhất định, do hầu hết mới được thành lập trên cơ sở nâng cấp từ trường cao đẳng; còn một số cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý cấp khoa, bộ môn chưa đạt trình độ tiến sĩ; các kỹ năng (quản lý sự thay đổi, thuyết trình, tổ chức, đàm phán,...), kiến thức về quản lý còn thiếu hụt do phần lớn cán bộ quản lý được chuyển từ giảng viên đang trực tiếp làm chuyên môn thuần túy.

2.4.2. Về việc thành lập Hội đồng trường và cơ cấu tổ chức, các quy trình quản lý

+ Về việc thành lập hội đồng trường

Việc thành lập Hội đồng trường được quy định tại Điều 33 của “Điều lệ trường ĐH” và quy định tại Điều 16 của Luật giáo dục ĐH số 08/2012/QH13. Các nghiên cứu của các nhà khoa học Việt Nam đã khẳng định rằng để thực hiện quyền tự chủ và TNXH trong quản lý trường ĐH công lập đạt được hiệu quả cao cần phải có hội đồng trường. Bốn trường ĐH thuộc

Bộ Công Thương mà Luận án tiến hành khảo sát đều chưa thành lập hội đồng trường. Do vậy cần phải nghiên cứu, hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ của hội đồng trường để hội đồng trường hoạt động đúng chức năng là tổ chức quản trị trường. Cần giải quyết mối quan hệ, phân định rõ ràng vai trò, trách nhiệm giữa HĐT, Đảng ủy và Ban giám hiệu.

+ Về cơ cấu tổ chức trong các nhà trường

Thực hiện cơ chế tự chủ các nhà trường đã chủ động, linh hoạt trong việc đánh giá hiệu quả, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nhà trường trong tình hình mới, đây là điểm mạnh của cơ chế tự chủ.

+ Về các quy trình quản lý

Các trường đã tích cực xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản nội bộ liên quan đến công tác quản lý nhà trường, trong đó có các quy trình quản lý đối với từng công việc, tuy nhiên còn thiếu đồng bộ cần phải chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện. Hiện nay trường ĐH Công nghiệp Hà Nội và ĐH Sao Đỏ đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 vào quản lý trong nhà trường.

2.4.3. Việc hình thành hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

Phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong là một yêu cầu cấp bách đối với mỗi cơ sở giáo dục ĐH; trong thời gian qua các nhà trường đã có rất nhiều nỗ lực tập trung ưu tiên từ công tác chỉ đạo đến đầu tư các điều kiện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo (phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, đổi mới phương pháp giảng dạy, đánh giá, công khai hóa thông tin liên quan đến công tác quản lý; cập nhật và công khai thông tin về chương trình đào tạo và văn bằng chứng chỉ được cấp...), tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế.

2.4.4. Việc xây dựng văn hóa tự chủ và trách nhiệm xã hội

Xây dựng văn hóa tự chủ và TNXH là một bộ phận không thể tách rời văn hóa trong nhà trường, nó chứa đựng các niềm tin, trách nhiệm, thái độ, hành vi điển hình của mỗi cơ sở GDĐH. Nó vừa là động lực vừa là mục tiêu nhằm xây dựng uy tín, thương hiệu, mang tính đặc trưng riêng cho mỗi nhà trường. Hiện nay mỗi nhà trường đã và đang thực hiện văn hóa tự chủ và TNXH ở mức độ khác nhau, chưa có các tiêu chí cụ thể, nội dung chưa đầy đủ và đúng với bản chất của văn hóa tự chủ và TNXH.

2.5. ĐÁNH GIÁ CHUNG QUẢN LÝ CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THUỘC BỘ CÔNG THƯƠNG THEO HƯỚNG TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Điểm mạnh

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đã từng bước làm thay đổi nhận thức - tạo sự linh hoạt, chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, viên chức, tích cực tham gia vào các hoạt động của nhà trường.

Tăng cường phân cấp quản lý cho chính các đơn vị trong nhà trường, trong đó phân cấp cho các khoa nhiều hơn để tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động, linh hoạt trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện.

Các nhà trường đã chủ động đổi mới công tác quản lý, điều chỉnh, sửa đổi bổ sung các văn bản quy định nội bộ, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý theo hướng tự chủ và TNXH.

Các trường đã áp dụng các biện pháp quản lý theo cơ chế công khai, minh bạch. Điều hành quản lý thông qua các văn bản, quy định nội bộ, phát huy dân chủ, đạt hiệu quả ngày càng cao.

Chủ động cao trong các hoạt động đào tạo, tuyển sinh, nghiên cứu khoa học, công nghệ, tài chính, quan hệ quốc tế, tổ chức bộ máy.

Điểm yếu

Luận án đã tổng hợp những điểm yếu cơ bản: " Về tư tưởng, nhận thức của cán bộ, giảng viên về thực hiện quản lý nhà trường theo hướng tự chủ và TNXH; Về năng lực đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của nhà trường; Về Hội đồng trường, bộ máy quản lý, quy trình quản lý; Về hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong nhà trường; Về cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin; trách nhiệm giữa các trường với nhau; trách nhiệm của các cơ quan, doanh nghiệp sử dụng nhân lực sau đào tạo với chính các nhà trường" xác định nguyên nhân chính dẫn đến điểm yếu. Đồng thời đã xác định những thời cơ và thách thức cơ bản trong công tác quản lý theo hướng tự chủ và TNXH của các trường ĐH thuộc Bộ Công Thương. Đây là cơ sở để Luận án xây dựng những giải pháp quản lý nhà trường theo hướng tự chủ và TNXH, tận dụng được thời, vượt qua thách thức xây dựng mỗi nhà trường phát triển bền vững đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương 2, Luận án đã phân tích là lý giải được những nét lớn về cơ sở thực tiễn, tổng kết kinh nghiệm trong quản lý GDDH theo hướng tự chủ và TNXH của Singapore, Nhật Bản và Mỹ.

Bằng các phương pháp nghiên cứu cụ thể: phân tích kết quả điều tra theo phiếu hỏi, phỏng vấn trực tiếp và dựa vào phân tích số liệu hoạt động quản lý của các trường. Luận án đã giới thiệu khái quát về các trường đại học thuộc Bộ Công Thương với những đặc điểm cơ bản mới được thành lập trên cơ sở nâng cấp từ trường cao đẳng, chịu sự quản lý Nhà nước theo phương thức song Bộ (Bộ Công Thương và Bộ GD&ĐT), đây là yếu tố ảnh hưởng quan trọng đến hiệu quả việc thực hiện quản lý nhà trường theo hướng tự chủ và TNXH.

Luận án đã đưa ra bức tranh thực trạng các trường đại học thuộc đối tượng nghiên cứu: về thực hiện quyền tự chủ 4 nội dung (tổ chức, nhân sự, tài chính, học thuật); về quản lý nhà trường theo cơ chế thực hiện quyền tự chủ và TNXH, tập trung vào 4 nội dung cơ bản (

Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của nhà trường; thành lập Hội đồng trường; hình thành hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; xây dựng văn hóa tự chủ và TNXH).

Để đánh giá được khách quan mức độ thực hiện tự chủ và TNXH của các trường đại học thuộc đối tượng nghiên cứu, Luận án đã xây dựng hai tiêu chí cơ bản, cụ thể là:

Tiêu chí thứ nhất: Đánh giá sự tham gia của các thành viên trong nhà trường, luận án đã xây dựng các chỉ tiêu cơ bản theo 4 mức độ đánh giá: yếu, trung bình, khá, tốt tương đương với mức độ số điểm tăng dần là: < 1,75; 1,75 ÷ 2,49; 2,5 ÷ 3,24; 3,25 ÷ 4,0. Sau khi hoàn thành đánh giá với các chỉ tiêu cụ thể, Luận án tiến hành đánh giá riêng từng lĩnh vực quản lý (tổ chức, tài chính, nhân sự, học thuật) theo các mức trên. Kết quả với tiêu chí thứ nhất trường Đại học Công nghiệp Hà Nội và trường Đại học Công nghiệp Việt Trì đã đạt ở mức khá nhiều hơn.

Tiêu chí thứ hai: “Đánh giá thực hiện TNXH trong quản lý của nhà trường”. Kết quả khảo sát điều tra cho thấy cả 4 trường đại học đều đạt mức khá, qua đây cho thấy các Trường đã quan tâm nhiều hơn đến thực hiện TNXH trong hoạt động quản lý nhà trường.

- Luận án đã sử dụng kỹ thuật phân tích SWOT để đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức công tác quản lý của các trường đại học thuộc Bộ Công Thương theo hướng tự chủ và TNXH. Đặc biệt đã làm rõ những điểm yếu tập trung vào bốn nội dung quản lý: Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của Nhà trường; Hội đồng trường, bộ máy quản lý, quy trình quản lý; hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; văn hóa tự chủ và TNXH trong nhà trường đồng thời cũng đã xác định rõ những nguyên nhân cơ bản dẫn đến điểm yếu.

Kết quả đánh giá là cơ sở để luận án xác định hướng và đề xuất các giải pháp cụ thể để khắc phục điểm yếu trên, đồng thời cũng là cơ sở thực tiễn để các trường đại học thuộc Bộ Công Thương vận dụng thực hiện tốt hơn hoạt động quản lý nhà trường theo hướng tự chủ và TNXH trong những năm tới.

Chương 3. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUẢN LÝ TRƯỜNG ĐẠI HỌC THUỘC BỘ CÔNG THƯƠNG THEO HƯỚNG TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

3.1. CÁC NGUYÊN TẮC LỰA CHỌN GIẢI PHÁP

3.1.1. Nguyên tắc kế thừa

Nguyên tắc kế thừa được xem là nguyên tắc đầu tiên và cũng là nguyên tắc quan trọng khi lựa chọn các giải pháp quản lý nhà trường theo hướng tự chủ và trách nhiệm xã hội.

Nguyên tắc kế thừa được thể hiện trên nhiều khía cạnh: Kế thừa cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, bộ máy quản lý và kinh nghiệm quản lý của các nhà quản lý đi trước; kế thừa uy tín, truyền thống đào tạo của nhà trường.

3.1.2. Nguyên tắc thực tiễn

Việc lựa chọn các giải pháp quản lý cần phải bao trùm toàn diện trên hai mặt, đó là huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Mỗi quyết định trong công tác quản lý được triển khai, trước hết cần phải căn cứ trên nguyên tắc phù hợp với điều kiện hoạt động thực tiễn, đặt trong điều kiện cạnh tranh của nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và phải tính đến ảnh hưởng của các nhân tố khách quan, mỗi nhà trường cần nắm bắt và tận dụng được cơ hội thuận lợi, vượt qua thách thức để phát triển nhà trường.

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi

Ngoài hai nguyên tắc kế thừa và thực tiễn, khi lựa chọn các giải pháp quản lý theo hướng tự chủ và TNXH cần phải căn cứ trên nguyên tắc đảm bảo tính khả thi và hiệu quả. Các giải pháp nếu không căn cứ vào tính khả thi và hiệu quả thì các trường rất khó có thể đạt được mục tiêu đề ra.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUẢN LÝ TRƯỜNG ĐẠI HỌC THUỘC BỘ CÔNG THƯƠNG

Mỗi giải pháp, Luận án trình bày theo một cấu trúc thống nhất, đó là: Mục đích, ý nghĩa; nội dung; cách thực hiện và điều kiện thực hiện giải pháp.

3.2.1. Nâng cao nhận thức về thực hiện tự chủ và trách nhiệm xã hội trong quản lý của nhà trường

Mục đích của giải pháp là nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, viên chức trong nhà trường về nội dung tự chủ và TNXH của trường ĐH.

- Các trường phải nhận thức rõ về nội dung của tự chủ và TNXH; những nội dung cơ bản của quản lý trường ĐH thực hiện quyền tự chủ và TNXH về: Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của nhà trường; về hội đồng trường và cơ cấu tổ chức, các quy trình quản lý, hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; về công khai; về văn hóa tự chủ và TNXH.

- Ban giám hiệu lập kế hoạch, tổ chức học tập, tuyên truyền cho cán bộ, viên chức trong trường.

- Tổ chức các cuộc hội thảo hoặc các hình thức phù hợp của nhà trường về nội dung tự chủ và TNXH.

3.2.2. Nâng cao năng lực quản lý của lãnh đạo nhà trường, cán bộ quản lý các khoa, phòng, trung tâm

Mục đích của giải pháp là nhằm phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý đồng thời nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý, sử dụng các nguồn lực của nhà trường có hiệu quả. Giải pháp cần chú trọng khâu đánh giá cán bộ; tập trung bồi dưỡng nâng cao kinh nghiệm thực tế, bồi dưỡng các kỹ năng quản lý cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý.

3.2.3. Thành lập Hội đồng trường; củng cố và hoàn thiện bộ máy quản lý, quy trình quản lý của nhà trường

Mục đích của giải pháp là nhằm giúp các trường cấu trúc lại tổ chức bộ máy đảm bảo khoa học phù hợp với cơ chế quản lý theo hướng tự chủ và TNXH; xây dựng quy trình phối hợp làm việc giữa các đơn vị và cá nhân nhịp nhàng, hiệu quả; tăng cường đảm bảo tính công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý, giúp cho mỗi thành viên trong nhà trường, xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, chủ động, tích cực hơn trong công việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, thành lập hội đồng trường...

3.2.4. Phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong nhà trường

Mục đích của giải pháp là nhằm hoàn thiện bộ máy tổ chức; đảm bảo các nguồn lực và các nguồn thông tin nhằm thiết lập, duy trì và phát triển chất lượng các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học, làm căn cứ xác định chất lượng giáo dục ĐH, vị thế và uy tín của mỗi nhà trường.

3.2.5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và thực hiện công khai

Mục đích của giải pháp là tăng cường ứng dụng CNTT vào tất cả các khâu trong hoạt động quản lý nhà trường nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác quản lý theo hướng tự chủ và TNXH. Nó là công cụ hữu hiệu giúp nhà trường công khai, minh bạch, giải trình mọi hoạt động theo đúng tinh thần mà giá trị mang lại của cơ chế quản lý theo hướng tự chủ và TNXH.

3.2.6. Thực hiện việc công khai minh bạch các hoạt động quản lý, chất lượng đào tạo, tài chính tới khách hàng và các bên liên đới

Mục đích của giải pháp là xây dựng và công khai minh bạch các hoạt động quản lý của nhà trường là một trong những giá trị cốt lõi của trường ĐH hoạt động theo hướng tự chủ và TNXH và các giá trị khác như: Dân chủ, ủy quyền và chấp nhận ủy quyền; cam kết; chia sẻ; tính trách nhiệm cao.

3.2.7. Đa dạng hóa nguồn thu trên cơ sở phát huy sự năng động sáng tạo của các đơn vị và cá nhân trong trường

Mục đích của giải pháp là nhằm khai thác tốt mọi nguồn thu hợp pháp trên cơ sở đa dạng hóa các hoạt động sự nghiệp của nhà trường; mở rộng quy mô đào tạo, đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Xây dựng cơ chế, chính sách khen thưởng cho đơn vị, cá nhân tìm kiếm nguồn lực tài chính hợp pháp cho nhà trường; các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong và ngoài trường; tăng cường đào tạo theo địa chỉ và nhu cầu của doanh nghiệp. Tổ chức tốt các hoạt động dịch vụ phục vụ cán bộ, giảng viên, sinh viên.

3.2.8. Xây dựng văn hóa tự chủ và trách nhiệm xã hội trong mỗi trường

Mục đích của giải pháp nhằm giúp mỗi nhà trường phải xây dựng và duy trì một nếp văn hóa đặc thù phát huy được năng lực, thúc đẩy sự sáng tạo, cống hiến và đóng góp của tất cả mọi người vào việc đạt được mục tiêu chung của nhà trường. Mặt khác xây dựng văn hóa tự chủ và TNXH còn là một yêu cầu tất yếu của chính sách phát triển, quảng bá thương hiệu - tài sản vô hình của mỗi trường ĐH.

3.2.9. Tạo lập mạng lưới liên kết giữa các trường đại học thuộc Bộ Công Thương

Mục đích của giải pháp là nhằm tạo lập mạng lưới các trường ĐH thuộc Bộ Công Thương; tăng cường liên kết chia sẻ kinh nghiệm quản lý, nguồn lực, đặc biệt là có sự định hướng trong đào tạo ngành, nghề phù hợp và phát huy được tiềm năng, thế mạnh, đặc thù của mỗi nhà trường, đáp ứng nhu cầu cung cấp nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp, các địa phương theo quy hoạch của Nhà nước, đây là việc làm có ý nghĩa quan trọng tạo nên sức mạnh tổng hợp khi có sự thống nhất cao của các Trường.

3.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC GIẢI PHÁP

Các giải pháp quản lý theo hướng tự chủ và TNXH trong quản lý của các trường ĐH thuộc Bộ Công Thương có mối quan hệ biện chứng với nhau. Để huy động, sử dụng quản lý các nguồn lực, đáp ứng được những yêu cầu đào tạo, góp phần tích cực vào sự ổn định và phát triển bền vững của nhà trường cần tiến hành đồng bộ 9 giải pháp trên.

3.4. KHẢO SÁT VÀ THỬ NGHIỆM MỘT SỐ GIẢI PHÁP

3.4.1. Khảo sát tính cấp thiết và tính khả thi của các giải pháp

Để xác định mức độ cần thiết và tính khả thi của 9 giải pháp đã đề xuất, Luận án đã tiến hành khảo sát. Kết quả cho thấy rằng: Giải pháp 1, 7, 2 là những giải pháp được đánh giá là rất cần thiết và có tính khả thi cao hơn; các giải pháp 3, 4, 5, 6, 8, 9 cũng được đánh giá là có tính cần thiết và tính khả thi ở mức độ khác nhau, nhưng nhìn chung là khá cao.

3.4.2. Thử nghiệm giải pháp

Do điều kiện có hạn, Luận án tiến hành thử nghiệm một giải pháp “Đa dạng hóa nguồn thu trên cơ sở phát huy sự năng động sáng tạo của các đơn vị và cá nhân trong trường” tại trường ĐH Công nghiệp Việt Trì năm 2013 và tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện các giải pháp khác trong thời gian tới. Kết quả thử nghiệm cho thấy có sự chuyển biến tích cực trong việc đa dạng hóa nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học; các lớp đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn về tin học, ngoại ngữ,... do thử nghiệm mới chỉ tiến hành trong thời gian ngắn, nên kết quả chưa thể hiện được tiến triển vượt bậc, song nó cũng khẳng định được tính khả thi và có ý nghĩa.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Căn cứ, định hướng của Đảng, chính sách của Nhà nước và yêu cầu thực tiễn về đổi mới quản lý đối với GDĐH theo hướng tự chủ và TNXH. Từ những vấn đề thực tiễn về quản lý trường ĐH thuộc Bộ chủ quản theo hướng tự chủ và TNXH với đặc thù riêng, trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa sâu rộng.

Với những kết quả nghiên cứu, để quản lý trường ĐH thuộc Bộ Công Thương theo hướng tự chủ và TNXH đạt hiệu quả, Luận án đề xuất 9 giải pháp, gồm: (1) Nâng cao nhận thức về thực hiện tự chủ và TNXH trong quản lý của nhà trường; (2) Nâng cao năng lực quản lý của lãnh đạo nhà trường, cán bộ quản lý các khoa, phòng, trung tâm; (3) Thành lập Hội đồng trường; củng cố và hoàn thiện bộ máy quản lý, quy trình quản lý của nhà trường; (4) Phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; (5) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và thực hiện công khai; (6) Thực hiện công khai minh bạch hoạt động quản lý, chất lượng đào tạo, tài chính tới khách hàng và các bên liên đới; (7) Đa dạng hóa nguồn thu trên cơ sở phát huy sự năng động sáng tạo của các đơn vị và cá nhân trong trường; (8) Xây dựng văn hóa tự chủ và TNXH trong mỗi nhà trường; (9) Tạo lập mạng lưới liên kết giữa các trường ĐH thuộc Bộ Công Thương. Trong mỗi giải pháp, Luận án đã xác định cụ thể mục đích, ý nghĩa; nội dung; cách thực hiện; điều kiện thực hiện giải pháp để đảm bảo khi áp dụng các giải pháp có tính khả thi cao.

Đồng thời với công việc thăm dò, xin ý kiến; người nghiên cứu xác định một nội dung được cho là quan trọng “Đa dạng hóa nguồn thu trên cơ sở phát huy sự năng động, sáng tạo của các đơn vị và cá nhân trong trường” để tiến hành thử nghiệm tại trường ĐH Công nghiệp Việt Trì; căn cứ từ kết quả khảo sát, xin ý kiến các nhà khoa học cùng với kết quả thu được từ thử nghiệm, cho thấy các giả thuyết khoa học được chứng minh là theo mong đợi, đã có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực, đúng qua thử nghiệm; các giải pháp đã đưa ra là cần thiết và có tính khả thi.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

KẾT LUẬN

Luận án đã luận giải các vấn đề sau:

Hệ thống lại cơ sở lý luận về quản lý trường ĐH thuộc Bộ chủ quản theo hướng tự chủ, TNXH; kết quả nghiên cứu là một đóng góp nhỏ, cùng với các công trình nghiên cứu khác làm phong phú và sâu sắc hơn về cơ sở khoa học quản lý trường ĐH Việt Nam nói chung và trường ĐH thuộc Bộ Công Thương nói riêng theo hướng tự chủ và TNXH nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trong quá trình nghiên cứu, người nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu lý luận để tiến hành phân tích, tổng hợp, khái quát hóa tài liệu từ các nguồn liên quan đến Luận án; tổ chức tọa đàm, thực hiện điều tra bằng các phiếu, bảng hỏi; quan sát, phỏng vấn; phân tích các tài liệu, tổng kết kinh nghiệm trong nước và ngoài nước về quản lý GDDH theo hướng tự chủ và TNXH. Kết quả nghiên cứu, cho thấy quản lý trường ĐH thuộc Bộ Công Thương theo hướng tự chủ và TNXH đã đạt được kết quả bước đầu tích cực, đồng thời xác định được những điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ và thách thức cần phải vượt qua.

Để thực hiện quản lý trường ĐH thuộc Bộ Công Thương theo hướng tự chủ và TNXH, Luận án đề xuất 9 giải pháp; lựa chọn một giải pháp làm thử nghiệm. Kết quả thử nghiệm cùng với kết quả từ khảo sát, trao đổi trực tiếp với các nhà quản lý, các nhà khoa học đã minh chứng các giải pháp người nghiên cứu đề xuất là khả thi và có ý nghĩa.

KHUYẾN NGHỊ

Từ kết quả của quá trình nghiên cứu, để hiện thực hóa các giải pháp đã đề xuất người nghiên cứu có những khuyến nghị một số nội dung sau:

Khuyến nghị về những nghiên cứu tiếp theo

Trên đây là kết quả nghiên cứu trong khuôn khổ điều kiện và thời gian được phép của nghiên cứu sinh để hoàn thành Luận án tiến sĩ. Căn cứ định hướng, đường lối đổi mới quản lý đối với GDDH của Đảng, chính sách của Nhà nước, Chiến lược và Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam, ngành Công Thương đến năm 2020; trong những năm tới cần tiếp tục nghiên cứu, mở rộng phạm vi đối với các trường ĐH thuộc Bộ Công Thương, với quy mô lớn hơn để hoàn thiện các giải pháp thực hiện quản lý trường ĐH thuộc Bộ Công Thương nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

Về thực nghiệm: Ngoài nội dung đã thử nghiệm cần tiếp tục thử nghiệm thêm một số nội dung đã đề xuất với địa điểm, quy mô lớn hơn để có kết quả thu được là đáng tin cậy, có ý nghĩa.

Khuyến nghị đối với Nhà nước:

- *Thứ nhất*, Nhà nước cần tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, mặc dù giao tự chủ cho nhà trường những vẫn phải có đầu tư kinh phí thỏa đáng, hướng dẫn các trường đẩy mạnh tự chủ, tạo điều kiện cho các trường tạo lập nguồn tài chính qua cơ chế tự chủ, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

- *Thứ hai*, cần có chính sách ưu đãi, quan tâm đến các trường ĐH mới thành lập, đặc biệt là trường ở đại bản vùng núi về hỗ trợ nguồn tài chính, các hoạt động khoa học và công nghệ; đào tạo bồi dưỡng giảng viên.

- *Thứ ba*, Nhà nước cần nghiên cứu, xây dựng các văn bản quy định tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành và chất lượng hoạt động quản lý của đơn vị được giao quyền tự chủ. Cần phải giao cho nhà trường được quyền chi trả tiền lương theo kết quả hoàn thành công

việc, vì chi trả tiền lương hiện nay thực hiện theo thang bậc theo quy định của Nhà nước, nên không khuyến khích được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của cán bộ viên chức.

- *Thứ tư*, Nhà nước cần phải chỉ đạo các cơ quan chức năng tích cực cải cách thủ tục hành chính, xóa bỏ những thủ tục hành chính rườm rà, chồng chéo, tháo gỡ những khó khăn về chính sách tài chính. Có chính sách khuyến khích các trường khai thác các nguồn thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, liên kết đào tạo để tăng tính tự chủ nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

Khuyến nghị đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- *Thứ nhất*, cần phải có tổng kết, đánh giá rút ra bài học kinh nghiệm đối với công tác quản lý nhà trường từ khi thực hiện cơ chế tự chủ và TNXH. Giao quyền tự chủ nhiều hơn cho các trường để tăng tính linh hoạt, chủ động như: Tuyển sinh, cấp văn bằng cho người học...

- *Thứ hai*, cần có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các trường ĐH cần phải khẩn trương thành lập Hội đồng trường theo đúng quy định của Luật giáo dục ĐH, chỉ có như vậy mới thúc đẩy quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội thực thi có hiệu quả trong nhà trường, phát huy dân chủ và tăng cường giám sát hoạt động của Ban giám hiệu.

Khuyến nghị đối với Bộ Công Thương (Bộ chủ quản):

- *Thứ nhất*, cần chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức thực hiện chế độ tự chủ theo quy định của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Nội Vụ.

- *Thứ hai*, cần phải có tổng kết, đánh giá việc thực hiện tự chủ và TNXH đối với các trường trực thuộc Bộ để rút kinh nghiệm, phát huy những mặt tích cực, kịp thời tháo gỡ những khúc mắc, khó khăn giúp các trường đẩy mạnh việc thực hiện quyền tự chủ và TNXH để có đủ sức cạnh tranh và phát triển bền vững.

- *Thứ ba*, cần giao quyền tự chủ nhiều hơn cho các trường, đặc biệt là công tác quản lý cán bộ, viên chức; điều phối chia sẻ nguồn lực, kinh nghiệm quản lý, giữa các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ.

- *Thứ tư*, cần phải có hệ thống kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế tự chủ và trách nhiệm xã hội của các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

1. Lê Thanh Tâm (2010), *Đổi mới quản lý, nâng cấp trường cao đẳng hóa chất thành trường ĐH*. Tạp chí khoa học giáo dục số 58, tháng 7 năm 2010.
2. Lê Thanh Tâm (2011), *Tự chủ và chịu trách nhiệm trong quản lý trường ĐH*. Tạp chí khoa học giáo dục số 73, tháng 10 năm 2011.
3. Lê Thanh Tâm (2014), *Thực hiện tự chủ trong quản trị ĐH và gợi ý chính sách phát triển quyền tự chủ cho các trường ĐH công lập trực thuộc Bộ Công Thương*. Tạp chí khoa học giáo dục số 101, tháng 3 năm 2014.
4. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Lê Thanh Tâm (2014), *Bàn về quản lý trường ĐH thực hiện quyền tự chủ và TNXH ở nước ta*. Tạp chí khoa học giáo dục số 106, tháng 7 năm 2014.